

Số: **02** /2017/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **20** tháng **6** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định mức thu, trình tự thủ tục xác định, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Liên Bộ: Tài chính-Tài nguyên và Môi trường về quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển;

Thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tại Công văn số 09/HĐND-CTHĐND ngày 14/02/2017;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 1360/STC-GCS ngày 06/6/2017; Báo cáo thẩm định số 18/BCTĐ-STP ngày 07/6/2016 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu, trình tự thủ tục xác định, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 7 năm 2017.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ngành thành phố, Cục Thuế thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VB);
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 2;
- Sở Tư pháp;
- VP: ĐBQH TP, HĐND TP;
- CPVP UBND TP;
- Các phòng CV;
- Công TTĐT TP, Công báo TP;
- Báo HP, Đài PT&TH HP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

QUY ĐỊNH

Về mức thu, trình tự thủ tục xác định, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định số **02** /2017/QĐ-UBND
ngày **20/6** /2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định mức thu, trình tự thủ tục xác định, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển khi tổ chức, cá nhân được cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

2. Quy định này không áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ gồm:

- a) Giao khu vực biển để thăm dò, khai thác dầu khí;
- b) Giao khu vực biển để khai thác thủy sản, cho thuê mặt nước để nuôi trồng thủy sản;
- c) Giao khu vực biển để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ.

2. Cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Phân loại các hoạt động sử dụng biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển phải nộp tiền sử dụng khu vực biển

1. Các hoạt động sử dụng biển phải nộp tiền sử dụng khu vực biển được phân loại thành các nhóm sau:

- a) Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu;
- b) Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện;
- c) Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển;

d) Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác (gồm: vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác), vùng nước phục vụ hoạt động cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển, xây dựng cảng cá, bến cá; vùng nước phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy; trục vớt hiện vật, khảo cổ;

đ) Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét;

e) Nhóm 6: Các hoạt động sử dụng khu vực biển khác (khác 5 nhóm trên).

2. Trường hợp trên cùng một không gian biển có nhiều tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển vào các hoạt động khác nhau theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì việc thu tiền sử dụng khu vực biển được thực hiện đối với từng tổ chức, cá nhân tương ứng với từng loại hoạt động sử dụng khu vực biển.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển sử dụng vào các hoạt động khác nhau theo quy định tại khoản 1 Điều này thì việc thu tiền sử dụng khu vực biển được thực hiện tương ứng với từng loại hoạt động sử dụng khu vực biển.

Điều 4. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển

Mức thu áp dụng tính thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng nhóm hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển (do tình hình thực tế về điều kiện kinh tế - xã hội của thành phố và phù hợp quy định tại Điều 7 Nghị định số 46/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về khung giá cho thuê mặt nước; Khoản 6 Điều 1 Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố) các vị trí, khu vực thuộc địa phận hành chính thành phố Hải Phòng tại Điều 3 Quy định này được quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển như sau:

Nhóm	Các quận, huyện khác (trừ huyện Cát Hải) (đồng/ha/năm)	Huyện Cát Hải, (đồng/ha/năm)
Nhóm 1	3.000.000	3.000.000
Nhóm 2	7.000.000	4.000.000
Nhóm 3	6.000.000	5.000.000
Nhóm 4	7.000.000	6.000.000
Nhóm 5	7.500.000	7.500.000
Nhóm 6	6.000.000	5.000.000

- Đối với sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét (Nhóm 5): Khi Nhà nước điều chỉnh khung giá tính tiền sử dụng khu vực biển thì mức thu tiền sử dụng

khu vực biển hoạt động đổ thải **bùn** nạo vét cũng được điều chỉnh và được xác định ở mức cao nhất trong các khung **giá** tính tiền sử dụng khu vực biển khi điều chỉnh.

- Trường hợp ranh giới tiếp giáp giữa địa bàn cấp huyện với địa bàn các địa phương khác thì mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo mức thu trung bình với mức thu của địa phương giáp ranh. Việc xác định phân ranh giới khu vực biển giữa các địa phương do Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp về biển và hải đảo có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phân định cụ thể.

Điều 5. Phương thức thu và xác định số tiền sử dụng khu vực biển

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Liên Bộ: Tài chính-Tài nguyên và Môi trường về quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển; (Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển được lựa chọn hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển hàng năm hoặc trả tiền sử dụng khu vực biển một lần cho cả thời hạn được giao khu vực biển; Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển và số tiền sử dụng khu vực biển được ghi cụ thể trên quyết định giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định).

Điều 6. Trình tự, thủ tục thu nộp tiền sử dụng khu vực biển

1. Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển do Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ giao khu vực biển gửi đến; căn cứ vào tiền sử dụng khu vực biển đã ghi trong quyết định giao khu vực biển, cơ quan Thuế (Cục Thuế thành phố hoặc Chi cục Thuế được Cục Thuế thành phố ủy quyền) ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển theo Mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Liên Bộ: Tài chính-Tài nguyên và Môi trường và gửi tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển.

2. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển vào ngân sách nhà nước trong thời hạn theo Thông báo của cơ quan Thuế.

Điều 7. Chế độ quản lý, sử dụng tiền sử dụng khu vực biển và kinh phí cho nhiệm vụ giao khu vực biển

1. Tiền sử dụng khu vực biển thu được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015.

2. Kinh phí chi cho nhiệm vụ giao sử dụng khu vực biển do ngân sách nhà nước đảm bảo căn cứ trên số tiền sử dụng khu vực biển thực nộp ngân sách nhà nước năm trước, khả năng cân đối ngân sách nhà nước và được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm giao cho cơ quan thực hiện nhiệm vụ giao khu vực biển để chi cho các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ

của từng cơ quan quản lý nhà nước tại Khoản 2 Điều 2 quy định này để lập dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị mình trình cơ quan cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Kinh phí chi cho nhiệm vụ giao sử dụng khu vực biển hàng năm, các cơ quan thực hiện nhiệm vụ phải được quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu, quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển

1. Sở Nội vụ:

- Chủ trì về việc xác định phân ranh giới khu vực biển giữa các địa phương, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cụ thể.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì xác định địa điểm, tọa độ, ranh giới, diện tích khu vực biển; phân nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển để tính tiền sử dụng khu vực biển phải nộp đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân thành phố; trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành quyết định giao khu vực biển;

3. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố để quyết định điều chỉnh mức thu tiền sử dụng khu vực biển hàng năm đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển cụ thể trên địa bàn thuộc thẩm quyền giao của địa phương hoặc khi có các yếu tố biến động về mức thu sử dụng biển của từng khu vực biển theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến về mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường nằm trên địa bàn địa giới hành chính của địa phương.

4. Cục Thuế thành phố:

- Xác định và thông báo số tiền sử dụng khu vực biển đối với từng dự án cụ thể mà tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển phải nộp theo quy định tại Quy định này;

- Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển vào ngân sách nhà nước theo đúng thời gian quy định tại Quy định này;

- Giải quyết vướng mắc liên quan đến thủ tục thu nộp và hoàn trả tiền sử dụng khu vực biển;

- Cung cấp thông tin về tình hình thu nộp tiền sử dụng khu vực biển cho Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường biết, theo dõi;

- Hàng năm tổng hợp số liệu về thu tiền sử dụng khu vực biển trên toàn địa bàn thành phố để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Tổng cục Thuế và Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

5. Kho bạc Nhà nước Hải Phòng:

- Trực tiếp hoặc ủy quyền cho Chi nhánh Kho bạc nhà nước cấp huyện thu đủ số tiền sử dụng khu vực biển vào Kho bạc Nhà nước theo thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển của cơ quan thuế;

- Không được chuyển việc thu tiền sang ngày hôm sau khi đã nhận đủ thủ tục nộp tiền của người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính;

- Không được từ chối thu khi tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển trong giờ làm việc khi đã đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân các quận, huyện nơi có thu tiền sử dụng khu vực biển:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đối tượng được giao sử dụng khu vực biển và các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện các nội dung về quy hoạch, vị trí, bàn giao thực địa, giải quyết những vướng mắc khi Nhà nước giao cho các đối tượng sử dụng khu vực biển.

7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển:

- Nộp tiền sử dụng khu vực biển theo đúng phương thức và thời hạn theo Thông báo của cơ quan thuế;

- Quá thời hạn nộp tiền sử dụng khu vực biển theo Thông báo của cơ quan thuế mà không nộp đủ tiền sử dụng khu vực biển thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định.

- Sử dụng khu vực biển đúng mục đích đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Xử lý đối với các trường hợp gia hạn, trả lại khu vực biển, thu hồi khu vực biển: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT- BTC-BTNMT ngày 07/12/2015.

Điều 10. Về ưu đãi đối với sử dụng khu vực biển: Thực hiện theo quy định của pháp luật về ưu đãi đầu tư dự án sử dụng khu vực biển.

Điều 11. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với khu vực biển mà Nhà nước đang cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê mặt nước theo hình thức trả tiền hàng năm theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước để thực hiện các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này thì xử lý như sau:

a) Trường hợp số tiền thuê mặt nước cao hơn đơn giá (mức thu) thu tiền sử dụng khu vực biển quy định tại Điều 4 Quy định này trong trường hợp được Nhà

nước giao khu vực biển có cùng mục đích sử dụng theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP thì số tiền thuê mặt nước cho thời gian thuê còn lại được xác định lại bằng với mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo đơn giá (mức thu) quy định tại Điều 4 Quy định này trên cơ sở đề nghị của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và áp dụng theo quy định.

b) Trường hợp số tiền thuê mặt nước thấp hơn mức thu tiền sử dụng khu vực biển tối thiểu quy định tại Điều 4 Quy định này trong trường hợp được Nhà nước giao khu vực biển có cùng mục đích sử dụng theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP thì tiếp tục được nộp tiền thuê mặt nước đã xác định cho thời gian thuê mặt nước còn lại mà không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định tại Điều 4 Quy định này. Khi hết thời hạn thuê mặt nước biển, trường hợp được cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển thì phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật về biển tại thời điểm được giao.

2. Đối với khu vực biển mà Nhà nước đang cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê mặt nước để thực hiện các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này và đã nộp tiền thuê mặt nước một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP thì không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển cho thời gian sử dụng còn lại.

3. Đối với khu vực biển mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trước ngày 15 tháng 7 năm 2014 (ngày Nghị định số 51/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê mặt nước theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP nhưng chưa nộp tiền thuê mặt nước thì thực hiện truy thu tiền thuê mặt nước và cộng thêm tiền chậm nộp theo pháp luật về quản lý thuế tính từ thời điểm phải nộp tiền thuê mặt nước đến ngày 15 tháng 7 năm 2014. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định.

Điều 12. Điều chỉnh mức thu sử dụng khu vực biển hàng năm

1. Theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5; Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều 6; Khoản 3 Điều 10 Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015:

- Hàng năm Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định về hệ số điều chỉnh mức giá cho thuê khu vực biển đối với từng khu vực biển theo quy định.

- Trường hợp sử dụng khu vực biển trả tiền thuê hàng năm: Mức thu tiền sử dụng khu vực biển quy định tại Điều 4 quy định này trả tiền theo hình thức hàng năm được ổn định 05 (năm) năm tính từ thời điểm có quyết định giao khu vực biển của cơ quan nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền. Hết chu kỳ ổn định mức thu tiền sử dụng khu vực biển 05 năm Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh mức thu sử dụng biển cho chu kỳ tiếp sau theo quy định.

- Trường hợp sử dụng khu vực biển trả tiền thuê một lần: Mức thu tiền sử dụng khu vực biển quy định tại Điều 4 quy định này có tính đến yếu tố tăng hệ số điều

chính mức giá thu sử dụng biển đã được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hàng năm của từng dự án, từng khu vực biển trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định mức giá thu cụ thể.

2. Trường hợp đặc biệt, tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể, đặc điểm, tính chất của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; căn cứ theo thẩm quyền giao sử dụng khu vực biển, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với một số hoạt động cao hơn hoặc thấp hơn mức thu quy định tại Điều 4 quy định này sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hải Phòng, các tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng khu vực biển có trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để chủ trì cùng Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế thành phố tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng